

Số: **34** /2017/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **25** tháng **5** năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số:..... 677
	Ngày:..... 29/5
	Chuyên:.....

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2017/NĐ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại tờ trình số 136/TN&MT-KHTC ngày 15 tháng 5 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung như sau:

1. Đối tượng nộp phí:

Các tổ chức, cá nhân đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Mức thu phí:

a) Đối với trường hợp thẩm định hồ sơ cấp phép lần đầu:



TT	Nội dung phí	Mức thu (đồng)
1	Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m ³ /ngày đêm	570.000
2	Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m ³ /giây đến dưới 0,5m ³ /giây; hoặc đề phát điện với công suất từ 50kw đến dưới 200kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm	1.360.000
3	Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m ³ /giây đến dưới 1m ³ /giây; hoặc đề phát điện với công suất từ 200kw đến dưới 1.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm	3.260.000
4	Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây; hoặc đề phát điện với công suất từ 1.000kw đến dưới 2.000kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000m ³ /ngày đêm	4.350.000

b) Đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung và cấp lại giấy phép:

- Mức thu phí thẩm định trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức phí cấp giấy phép lần đầu.

- Mức thu phí thẩm định trong trường hợp cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển bằng 30% (ba mươi phần trăm) mức phí cấp giấy phép lần đầu.

3. Cơ quan thu phí:

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thực hiện thu phí; phí được thu đủ một lần tại thời điểm nộp hồ sơ.

Cơ quan thu phí có trách nhiệm công khai trên trang thông tin điện tử và niêm yết tại địa điểm thu phí của đơn vị về nội dung quyết định thu phí.

4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

- Việc kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính.

- Cơ quan thu phí được để lại 90% để chi trả cho các hoạt động thu phí, 10% nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2017 và thay thế nội dung quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 1100/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy;
- TT và các Ban HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo, Công TTĐT tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

